

# TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC HỒ CHÍ MINH VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TRẦN VĂN THỤY\*

Cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng vừa đáp ứng yêu cầu của các phong trào cách mạng, vừa tuân theo quy luật giao lưu văn hóa và tư tưởng của các quốc gia thời cận hiện đại. Mỗi giai cấp, xã hội tiếp thu các trào lưu tư tưởng triết học nước ngoài tùy theo vị thế của họ trong đời sống xã hội và trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc. Từ năm 1930 đến đầu năm 1940, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, hình thành “*một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam*”<sup>1</sup>. Hệ thống quan điểm của Người là hệ thống lý luận tổng hợp. Hạt nhân lý luận của hệ thống lý luận ấy là những tư tưởng triết học duy vật biện chứng về xã hội, bao gồm tư tưởng biện chứng về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, các mặt của cách mạng Việt Nam, tư tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền, con người và xây dựng con người và phương pháp cách mạng Việt Nam.

## 1. Tư tưởng về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Xuất phát từ tình hình ở các nước tư bản chủ nghĩa, V.I.Lênin nêu lên luận điểm Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân<sup>2</sup>.

Xuất phát từ tình hình Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, Hồ Chí Minh thấy rằng việc ra đời Đảng Cộng sản ở đây, nếu chỉ kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân thì chưa đủ, vì giai cấp công nhân còn nhỏ bé, phong trào còn non yếu. Vì vậy, phải kết hợp với phong trào yêu nước rộng lớn của các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân; phong trào này diễn ra liên tiếp, từ rất lâu trước khi có giai cấp công nhân và phong trào công nhân. Khái quát quy luật đặc thù của việc ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh viết “*Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930*”<sup>3</sup>. Luận điểm trên thể hiện hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau ở Hồ Chí Minh: *Một là*, phải nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. *Thứ hai*, phải thấy rõ sự gắn bó mật thiết giữa vấn đề giai cấp và dân tộc trong việc thành lập Đảng. Hồ Chí Minh ngay từ đầu làm cho Đảng bắt rễ sâu xa trong truyền thống và bản chất dân tộc. Đồng thời, Hồ Chí Minh đã làm cho Đảng từ đường lối, tư tưởng, đến tổ chức được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đây, không phải mọi người yêu nước đều là cộng sản, nhưng tiếp nhận đường lối của Đảng Cộng sản là điều kiện cần thiết để xác minh mục tiêu yêu nước đúng đắn; còn mỗi người

\* Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.

cộng sản trước hết phải là người yêu nước, phải thường xuyên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng trong phong trào công nhân, trong phong trào yêu nước, lãnh đạo công nhân và quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng.

## 2. Tư tưởng biện chứng về các mặt của cách mạng Việt Nam

*Thứ nhất, mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc.*

Từ những thập kỷ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền - chủ nghĩa đế quốc. Đồng thời, với sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ra đời.

Vào sinh thời của C.Mác và Ph.Ăngghen, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản tuy đã được mở rộng, nhưng các cuộc đấu tranh giành độc lập ở các nước thuộc địa vẫn chưa phát triển mạnh, do đó không ảnh hưởng đến sự tồn tại và suy vong của chủ nghĩa tư bản. Trung tâm cách mạng thế giới vẫn ở Châu Âu, vận mệnh loài người phụ thuộc vào sự thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Do đó, tương lai cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa được nhìn nhận trong sự phụ thuộc vào sự thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết nhiệm vụ cụ thể của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phù hợp với đặc điểm lịch sử xã hội của các nước Phương Đông. Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, góp phần bổ sung những

điều mà các bậc thầy của học thuyết Mác - Lênin, vì hạn chế của lịch sử chưa nêu được đầy đủ, đó là *lý luận về cách mạng ở các nước thuộc địa*.

Bằng cách tiếp cận biện chứng duy vật về xã hội thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, Người chỉ rõ rằng, chủ nghĩa đế quốc là con đĩa hai vôi, một vôi bám vào chính quốc, một vôi bám vào thuộc địa. Muốn đánh bại chủ nghĩa đế quốc phải đồng thời cắt cả hai cái vôi của nó, tức là phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, phải xem cách mạng thuộc địa như là “một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”, phát triển nhịp nhàng với cách mạng vô sản; mặt khác, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, tức là phải đi theo đường lối Mác - Lênin<sup>4</sup>.

*Thứ hai, mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc với giai cấp.*

Trong thời kỳ đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy *mối quan hệ mật thiết giữa dân tộc và giai cấp* trong cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Người viết “Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút thắng lợi trong một nước nào đó... thì đó cũng là thắng lợi cho cả người An Nam”<sup>5</sup>. Khi trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản, Người khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình cách mạng Việt Nam; Người chủ trương đại đoàn kết rộng rãi trên nền tảng

liên minh Công - Nông - Trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, sử dụng bạo lực của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù; thiết lập chính quyền của dân, do dân, vì dân...

*Thứ ba, mối quan hệ biện chứng giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.*

Phân tích xã hội Đông Dương, Ấn Độ, Trung Quốc, Người cho rằng, kết cấu kinh tế của các xã hội này không giống xã hội Phương Tây; những đại địa chủ ở đây chỉ là những “tên lùn tịt” bên cạnh những người trùنگ tên với họ ở Châu Âu và Châu Mỹ, đấu tranh giai cấp ở các nước này không quyết liệt như các nước ở Phương Tây. Sự xung đột quyền lợi giữa nông dân, thợ thuyền với địa chủ, ông chủ ở các nước Phương Đông được giảm thiểu... Từ sự phân tích đó, Người kết luận: Đối với các nước Phương Đông “*cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây*”, “*chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*”. Theo Người, trong cách mạng giải phóng dân tộc “*người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ*”. Từ đó, Người kiến nghị: “*Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh quốc tế cộng sản*”, “*Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế*”<sup>6</sup>.

*- Thứ tư, mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.*

Vận dụng, phát triển tư tưởng *luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V. I. Lênin, Người đã hình thành đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản; trong đường lối đó, Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống

nhất giữa dân tộc và giai cấp, *dân tộc và quốc tế*, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người chỉ rõ: sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, của cách mạng thế giới<sup>7</sup>. Năm 1930, trong “*Chánh cương, sách lược vắn tắt*”, Hồ Chí Minh xác định cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: *Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*<sup>8</sup>. “*Đi tới xã hội cộng sản*” là hướng tới sự phát triển lâu dài. Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa. Đó là nét độc đáo, khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên chủ nghĩa tư bản ở Phương Tây. Đầu năm 1960, Người tiếp tục khẳng định rằng “*chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*”<sup>9</sup>.

Tư tưởng mối liên hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa ba mục tiêu: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

### 3. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền

Hồ Chí Minh là người sáng lập ra Nhà nước cộng hòa dân chủ Việt Nam. Người trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật của nước Việt Nam mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước dân chủ, trong đó pháp quyền được đề cao đã được xuất hiện rất sớm. Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, khi viết *Việt Nam yêu cầu ca*, Người đã coi trọng vai trò của pháp quyền: “*Trăm điều*

phải có thần linh pháp quyền”<sup>10</sup>. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền thể hiện những nội dung chính sau:

*Thứ nhất*, Nhà nước Việt Nam phải là nhà nước dân chủ triệt để. Đó là nền dân chủ đề cao nhân dân, nhân dân là chủ thể, “mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”<sup>11</sup>, được thực hiện triệt để cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Để bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh đã coi chuyên chính là cái để giữ vững quyền dân chủ đó. Người cho rằng, chế độ nào cũng có chuyên chính, vấn đề ai chuyên chính ai. Dân chủ là cái quý báu của nhân dân, dân chủ cũng cần có chuyên chính để giữ gìn dân chủ.

*Thứ hai*, Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước pháp quyền hợp hiến hợp pháp. Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chí Minh đã đề ra hai nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến xây dựng Nhà nước pháp quyền là tổ chức tổng tuyển cử và xây dựng Hiến pháp để xác lập nền tảng dân chủ và Nhà nước hợp hiến, hợp pháp ở Việt Nam.

*Thứ ba*, hệ thống pháp luật ở Việt Nam là hệ thống pháp luật dân chủ, tiến bộ, hướng tới giá trị nhân văn. Theo Hồ Chí Minh, pháp luật của ta là pháp luật thực sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền lợi dân chủ tự do rộng rãi cho nhân dân lao động. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Nhà nước phải thực sự của dân, do dân vì dân, chăm lo đến lợi ích của nhân dân. Do vậy, chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi, mà nhân dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì. Dân chỉ biết giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

*Thứ tư*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ bảo vệ và

phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ và phát triển quyền của con người. Quyền con người với Hồ Chí Minh không chỉ là quyền tự do cá nhân, mà còn là quyền bình đẳng giữa các dân tộc, trên thế giới, độc lập dân tộc và giải phóng con người.

Như vậy, Hồ Chí Minh tuy chưa sử dụng khái niệm Nhà nước pháp quyền, nhưng tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Người rất phong phú, nhất quán. Đó là những tư tưởng mà Đảng ta đã vận dụng và phát triển trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị, phát huy dân chủ, để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

#### **4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người mới Việt Nam**

Qua nghiên cứu có thể thấy, Hồ Chí Minh không dùng các thuật ngữ khó hiểu về con người mà dựa vào con người thực tiễn, gắn bó với truyền thống, vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người gồm các nội dung sau:

*Thứ nhất, về bản chất của con người.*

Vận dụng một cách sáng tạo, có phát triển quan điểm triết học mácxít về bản chất con người, Hồ Chí Minh xem xét con người trong quan hệ xã hội, đó là quan hệ tình cảm gia đình, anh em, họ hàng, bạn bè; quan hệ sản xuất, đấu tranh chống thiên tai, chống ngoại xâm của dân tộc; quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa với các nước. Những quan hệ xã hội ấy tạo nên sự gắn bó mọi người trong cộng đồng xã hội từ nhỏ đến lớn một cách bền vững, được bồi đắp trong quá trình dựng nước, giữ nước. Từ

đó, hình thành chủ nghĩa yêu nước truyền thống, chủ nghĩa dân tộc chân chính, động lực phát triển xã hội. Xuất phát từ cách xem xét ấy, Hồ Chí Minh nêu lên một định nghĩa về con người rất độc đáo, rất đậm nét bản sắc văn hóa Phương Đông và Việt Nam: “Con người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bạn bè. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”<sup>9</sup>.

Con người có rất nhiều nhu cầu, trong đó, nhu cầu cơ bản nhất là ăn, uống, mặc, ở... Vì thế, con người luôn phải được đáp ứng các nhu cầu thiết yếu ấy, sau đó mới tham gia các hoạt động khác. Đồng thời, con người luôn thuộc về một chế độ xã hội nhất định. Sau 10 năm hòa mình vào cuộc sống người lao động làm thuê ở nhiều nước khác nhau, đi khắp các nước trên thế giới, Người thấy ở đâu cũng có người giàu, người nghèo, ở đâu cũng có người tốt và những kẻ hung ác, vô nhân đạo, ở đâu cũng có người thiện và ác. Người kết luận: “Dù màu da khác nhau, trên đời này cũng chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột” và cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật, đó là “tình hữu ái vô sản”. “Trên quả đất này, có hàng muôn triệu người. Song số người ấy, có thể chia làm hai hạng: người thiện và người ác”<sup>12</sup>. Từ đó, Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân, đòi phải trả lại quyền tự do, độc lập cho người Phương Đông, cho các nước thuộc địa. Người lên án chủ nghĩa thực dân phong kiến ở Việt Nam và cho rằng, chủ nghĩa ấy chỉ để lại sự nghèo đói, lạc hậu, tối tăm, dốt nát cho dân tộc Việt Nam. Phải xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến ấy để xây dựng một chế độ xã hội mới làm cho nước được độc lập, dân được tự do, con người ấm no, hạnh phúc. Khi nước nhà được độc lập, Người luôn căn dặn: “Chính

sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm lo đến đời sống nhân dân”; “Nếu dân đói..., dân rét..., dân dốt..., là Đảng và Chính phủ có lỗi”<sup>13</sup>.

*Thứ hai, về mối liên hệ giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.*

Mục tiêu độc lập dân tộc đã được đặt ra trong suốt chiều dài hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam. Mục tiêu này đã quy tụ cả dân tộc thành một khối vững chắc, tạo nên truyền thống trong công cuộc chống ngoại xâm để giành hay bảo vệ độc lập dân tộc.

Nhưng độc lập dân tộc không phải bao giờ cũng gắn với tự do, hạnh phúc của con người, giải phóng dân tộc cũng không phải gắn với vấn đề giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Điều đó do chế độ xã hội quy định. Hệ tư tưởng phong kiến Việt Nam hoàn toàn xa lạ với việc giải phóng xã hội, giải phóng con người. Các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tuy có sự giống nhau là giải phóng dân tộc thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, nhưng phương pháp thực hiện mục tiêu đó khác nhau, cuối cùng dẫn đến thất bại, đất nước vẫn nằm trong tình trạng bế tắc không có đường ra.

Vượt qua hạn chế của các bậc tiền bối, vận dụng sáng tạo tư tưởng triết học duy vật biện chứng về xã hội, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu đi tới của cách mạng Việt Nam là *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Con đường đi tới mục tiêu ấy là cách mạng vô sản với hai giai đoạn nối tiếp nhau, đó là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bản chất của luận điểm này là sự thống nhất của *ba cuộc giải phóng*: giải phóng

dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Thực chất cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là xóa bỏ ách thống trị của thực dân, đế quốc, giành độc lập cho dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến đem lại ruộng đất cho dân cày và dân chủ cho nhân dân. Như vậy, trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, vấn đề ba cuộc giải phóng nêu trên kết hợp chặt chẽ với nhau. Còn cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm củng cố nền độc lập dân tộc, từng bước xóa bỏ sự bóc lột giữa người với người, phát triển đất nước về mọi mặt, xây dựng chế độ dân chủ cao hơn, thực hiện ba giải phóng đầy đủ hơn.

Trên phạm vi thế giới, vấn đề con người tương ứng với ba công cuộc giải phóng là: giải phóng dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, giải phóng giai cấp vô sản, nhân dân lao động các nước và giải phóng loài người. Lờ ra mắt của Báo “Người cùng khổ” (Leparia) năm 1921 xác định rõ mục đích đấu tranh của “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức” là đi từ giải phóng những người nô lệ mất nước, những người cùng khổ đến giải phóng con người”<sup>14</sup>.

*Thứ ba, về xây dựng con người và trồng người.*

Trong lịch sử, cha ông ta từng nói “đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”. Triết học mácxít khẳng định “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Quán triệt tư tưởng ấy, Hồ Chí Minh khẳng định sự nghiệp ba giải phóng là sự nghiệp của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Người cho rằng, khi họ được thức tỉnh, được tổ chức và đấu tranh theo một đường lối đúng đắn nhất định sẽ giành thắng lợi.

Để tổ chức, tập hợp, thức tỉnh, định hướng cho giai cấp vô sản, nhân dân lao động và cả dân tộc bước vào cuộc đấu tranh cách mạng cần phải có *những người tiên tiến, tổ chức tiên tiến* do chính những lực lượng ấy sản sinh ra. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người tiên tiến tìm đường, và mở đường cho cách mạng dân tộc Việt Nam và dẫn dắt cả dân tộc đi theo con đường đó. Tiếp theo, Người tập hợp những người tiên tiến thời kỳ đó, tạo nên một lực lượng nòng cốt của cách mạng, từ đó đưa phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam phát triển lên một bước mới về chất, từ tự phát lên tự giác. Đó là những người tiên tiến được tập hợp trong *Hội Việt Nam thanh niên cách mạng* và sau này là những người cộng sản, những thành viên của một Đảng tiên phong do Hồ Chí Minh sáng lập lãnh đạo cách mạng. Chính lực lượng tiên tiến, nòng cốt này tỏa ra khắp ba miền đất nước, đi vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thức tỉnh, tổ chức hướng dẫn quần chúng đứng lên đấu tranh. Từ đó, lại tiếp tục xuất hiện nhiều con người tiên tiến trong quần chúng cách mạng sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp ba giải phóng. Phong trào cách mạng không thể có được sự rộng lớn ngay từ đầu mà chỉ có thể bắt đầu từ một ít người tiên tiến và từ những người này thu hút đông đảo quần chúng nhân dân vào phong trào cách mạng. Chính họ là những người mở đầu cho việc hình thành và phát triển thành những con người mới, đáp ứng được những yêu cầu cách mạng.

Vận dụng lý luận của V.I.Lênin về Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh khi chuẩn bị thành lập Đảng rất chú ý tới người đảng viên với tư cách là *người cách*

*mạng kiểu mới* khác với những người cách mạng ở lớp trước của Việt Nam. Vì thế, trong buổi đầu tiên huấn luyện cho những người tiên tiến trong *Hội Việt Nam thanh niên cách mạng*, Người đã nói rất cặn kẽ về “*tư cách một người cách mệnh*”, đồng thời nêu lên các tiêu chuẩn của “*người cách mệnh mẫu mực*”. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, các nội dung, tiêu chuẩn trên đã chính thức trở thành tiêu chuẩn của người đảng viên và được ghi trong Điều lệ. Những tiêu chuẩn ấy luôn được cụ thể hóa, bổ sung, phát triển cho phù hợp với từng bước phát triển của cách mạng. Tiêu chuẩn của con người mới và của người đảng viên có những nội dung thống nhất với nhau, nhưng khác nhau ở mức độ cao thấp, nhiều hay ít, rộng hay hẹp, với Đảng, với dân tộc, với đất nước. Vì vậy, không phải tất cả con người mới đều là đảng viên, nhưng mọi đảng viên trước hết phải là con người mới tiêu biểu.

Sau khi nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời, Hồ Chí Minh đã chỉ thị “xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc”<sup>15</sup>. Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Người đã chỉ rõ: “mục đích của giáo dục bây giờ là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, đào tạo lớp người, lớp cán bộ mới”<sup>16</sup>. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khái niệm “con người xã hội chủ nghĩa”<sup>17</sup> và con người mới xã hội chủ nghĩa<sup>18</sup> được Hồ Chí Minh đặt ra.

Các luận điểm trên của Người trở thành luận điểm kinh điển khi đề cập đến vấn đề xây dựng con người của chủ nghĩa xã hội. Những nội dung của luận điểm trên chính là nội dung của một *mô hình nhân cách mới của xã hội Việt Nam mới*.

Vận dụng lý luận triết học mácxít về vấn đề xây dựng xã hội mới vào thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường dài, khó khăn hơn con đường thắng đế quốc, phong kiến. Đây là sự nghiệp trăm năm và phải trông người vì sự nghiệp trăm năm ấy. Khái niệm “trông người” được Hồ Chí Minh dùng với nghĩa của khái niệm văn hóa là trông trọt, vun trồng cây cối. “*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trông người*”. Tư tưởng lớn này của Hồ Chí Minh mãi mãi định hướng cho việc xây dựng con người Việt Nam hôm nay và mai sau.

Việc trông người trong bất cứ thời kỳ nào cũng được đặt ra với nhiều thể hệ khác nhau. Việc xây dựng con người mới trong các thế hệ được tiến hành đồng thời, kết hợp với nhau, tác động thúc đẩy nhau. Hồ Chí Minh quan tâm việc bồi dưỡng các thế hệ cách mạng từ những năm 20 của thế kỷ XX. Lớp thiếu niên, thanh niên đi theo con đường của Người trở thành những người tiên tiến đầu tiên. Trong suốt cả cuộc đời, Người luôn quan tâm bồi dưỡng lớp học trò gần gũi, những người đáng tin cậy đủ tài, đức cùng gánh vác trách nhiệm cách mạng... Vì thế, thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng đến nay là thắng lợi của nhiều thế hệ cách mạng đan xen, nối tiếp nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Hồ Chí Minh. Trong *Di chúc*, Người đã căn dặn “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết. Đảng phải chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.

## 5. Lý luận về phương pháp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam

Cùng với tư tưởng triết học duy vật biện chứng về xã hội, Hồ Chí Minh còn có những đóng góp làm phong phú kho tàng lý luận triết học mácxít về phương pháp, nhất là *phương pháp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*.

Phương pháp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam của Người là sản phẩm của sự vận dụng, phát triển những phương pháp đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vào hoàn cảnh một nước thuộc địa, kết hợp với tình thế từng thời kỳ của cách mạng Việt Nam, ở các dân tộc khác, ở nhân dân lao động.

Trong cao trào cách mạng 1930-1931, thông qua nhận xét ưu và khuyết điểm, kinh nghiệm của phong trào có liên quan đến thời kỳ ấu trĩ và bệnh “tả” khuynh của một số Đảng Cộng sản mới thành lập, Người đã nêu lên những ý kiến quan trọng để chỉ đạo việc giữ gìn, từng bước phát triển lực lượng cách mạng với khẩu hiệu đấu tranh và tổ chức quần chúng thích hợp.

Thời kỳ 1936 - 1939, qua nhiều bài báo và thư gửi Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh vạch rõ phương pháp tận dụng mọi điều kiện thuận lợi tạm thời triển khai hoạt động công khai hợp pháp, tập hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức từ thấp đến cao.

Thời kỳ 1940 - 1945, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh là thời kỳ thành công của một tư duy lý luận sáng tạo về phương pháp phát động phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; vận dụng thời cơ, chuẩn bị cho thời kỳ tiền khởi nghĩa, tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang mở

khu giải phóng, lập các ủy ban làm nhiệm vụ chính quyền, phát động chiến tranh du kích, khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Sau ngày 2 - 9 - 1945 và cả năm 1946, vận mệnh Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”, Hồ Chí Minh là hiện thân của lòng dũng cảm, trí thông minh tài năng sáng tạo, nhạy bén, ứng phó kịp thời, vận dụng nhiều biện pháp khôn khéo để phân hóa kẻ thù, lúc thì nhân nhượng quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa để đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đẩy nhanh quân Tưởng về nước. Dưới tay lái của Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã làm thất bại mọi âm mưu độc ác của giặc ngoài, thù trong, giữ vững chính quyền cách mạng, tranh thủ thời gian chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cống hiến lớn nhất lý luận về phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh là lý luận về chiến tranh nhân dân, lý luận về cuộc chiến tranh chính nghĩa *toàn dân, toàn diện, trường kỳ*. Theo lý luận đó, Đảng ta đã sử dụng các thứ quân để đánh giặc trên các địa bàn; động viên tất cả lực lượng của toàn dân; kết hợp chiến tranh du kích khắp nơi, với các đòn đánh của quân chủ lực; kết hợp sức mạnh quân sự, chính trị, ngoại giao, kết hợp sức mạnh dân tộc với thời đại. Trong ba mươi năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam cùng trong một quá trình làm nên ba việc lớn: bồi dưỡng ý chí đấu tranh càng đánh càng mạnh; xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân ngày càng lớn mạnh; hình thành học thuyết và nghệ thuật chiến tranh nhân dân toàn diện, vận dụng

được sức mạnh cả nước và sự ủng hộ của loài người tiên bộ.

Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh nêu trên là cơ sở lý luận của hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Người về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Người là “một nhà duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã giải quyết thành công mối quan hệ giữa các mặt tưởng chừng khó dung hoà của sự nghiệp cách mạng”<sup>19</sup>. Tư tưởng triết học của Người cùng với tư tưởng triết học Mác - Lênin do Người truyền bá vào Việt Nam từ những năm 1930, đã tạo nên bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến quá nửa đầu thế kỷ XX.

### **Chú thích**

1. Đảng cộng sản Việt Nam, 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 83.
2. V.I.Lênin, 1974. *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, tập 1, tr. 385-386.
3. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 10, tr.8.

4. Hồ Chí Minh, 1995. *Toàn tập, Sđd*, tập 1, tr. 298, 302.
5. Hồ Chí Minh, 1995. *Toàn tập, Sđd*, tập 1, tr. 469.
6. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 1, tr. 464-467.
7. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, Sđd*, tập 1, tr. 416.
8. Đảng cộng sản Việt Nam, 1998. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 2, tr. 2.
9. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 10, tr. 128.
10. Hồ Chí Minh, 1995. *Toàn tập. Sđd*, tập 1, tr. 438.
11. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập. Sđd*, tập 5, tr. 698.
12. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 5, tr. 643.
13. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 7, tr. 572.
14. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 1, tr. 456.
15. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 6, tr. 173.
16. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 8, tr. 183.
17. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 9, tr. 296.
18. Hồ Chí Minh, 2000. *Toàn tập, Sđd*, tập 10, tr. 310.
19. Phạm Văn Đồng, 1997. *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, trong *Hồ Chí Minh - Tác giả - tác phẩm - nghệ thuật ngôn từ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.21.